

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI LẠI (CẤP MỚI) NGÀY THI 22/5/2026
Trường hợp thi lại 02 môn (Kiến thức cơ sở và Kiến thức chuyên môn)
(Kèm theo Thông báo số /TB-SXD-HDT ngày tháng 5 năm 2026)

Lưu ý: Thí sinh có mặt tại Phòng thi trước giờ thi 30 phút

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
Phòng 005 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
1	HCM.26.1.CM0004	Huỳnh Phước Ái	10/10/1978	Vĩnh Long	Phòng 005
2	HCM.26.1.CM0014	Bùi Bình An	23/11/1983	TP. Hà Nội	Phòng 005
3	HCM.26.1.CM0077	Chương Tú Anh	21/08/1994	Đồng Nai	Phòng 005
4	HCM.26.1.CM0079	Đình Hoài Anh	28/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
5	HCM.26.1.CM0114	Nguyễn Thị Kim Anh	23/06/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
6	HCM.26.1.CM0142	Vũ Hoàng Anh	07/03/1993	Lâm Đồng	Phòng 005
7	HCM.26.1.CM0175	Trần Đình Tuấn Anh	25/12/1989	Đồng Nai	Phòng 005
8	HCM.26.1.CM0186	Đỗ Tuấn Anh	12/03/1995	Vũng Tàu	Phòng 005
9	HCM.26.1.CM0192	Lê Ngọc Ánh	19/05/1995	Hà Tĩnh	Phòng 005
10	HCM.26.1.CM0203	Narumon Trần Attasumpun	16/03/2007	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
11	HCM.26.1.CM0211	Nguyễn Phước Ân	06/08/2004	Tây Ninh	Phòng 005
12	HCM.26.1.CM0228	Võ Văn Bản	21/04/1982	Nghệ An	Phòng 005
13	HCM.26.1.CM0231	Phan Quốc Bảo	14/06/2003	Gia Lai	Phòng 005
14	HCM.26.1.CM0239	Lê Chí Bảo	14/03/2004	Gia Lai	Phòng 005
15	HCM.26.1.CM0244	Trần Lê Bảo	08/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
16	HCM.26.1.CM0245	Trần Ngọc Quốc Bảo	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
17	HCM.26.1.CM0279	Huỳnh Kim Biên	04/11/1986	Lâm Đồng	Phòng 005
18	HCM.26.1.CM0285	Phạm Hữu Bình	06/09/2003	An Giang	Phòng 005
19	HCM.26.1.CM0304	Thân Trọng Bình	15/02/1979	Quảng Trị	Phòng 005
20	HCM.26.1.CM0329	Võ Minh Cảnh	07/11/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
21	HCM.26.1.CM0333	Bùi Thị Thuý Cẩm	26/08/2003	An Giang	Phòng 005
22	HCM.26.1.CM0347	Phạm Quang Chánh	03/10/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
23	HCM.26.1.CM0409	Nguyễn Đức Chính	06/04/1999	Quảng Ngãi	Phòng 005
24	HCM.26.1.CM0434	Trần Phương Chương	24/02/1988	Nghệ An	Phòng 005
25	HCM.26.1.CM0436	Đoàn Thế Công	16/01/1986	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
26	HCM.26.1.CM0477	Trần Cao Cường	25/06/1979	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
27	HCM.26.1.CM0501	Nguyễn Công Danh	05/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 005
28	HCM.26.1.CM0503	Võ Thanh Danh	12/06/1992	Lâm Đồng	Phòng 005
29	HCM.26.1.CM0508	Trần Công Danh	17/05/2003	TP. Cần Thơ	Phòng 005
30	HCM.26.1.CM0509	Lê Thành Danh	08/03/2000	Đồng Nai	Phòng 005
31	HCM.26.1.CM0514	Dương Ngọc Dân	26/09/1999	Lâm Đồng	Phòng 005
32	HCM.26.1.CM0532	Nguyễn Thị Kiều Diễm	09/03/2001	Quảng Ngãi	Phòng 005
33	HCM.26.1.CM0548	Trần Thị Thanh Diệu	01/12/1985	Đắk Lắk	Phòng 005
34	HCM.26.1.CM0554	Bùi Thị Du	19/01/1981	An Giang	Phòng 005
35	HCM.26.1.CM0562	Đình Văn Duẩn	05/03/1997	Đắk Lắk	Phòng 005

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
36	HCM.26.1.CM0574	Đặng Thị Phương Dung	12/08/1985	Vĩnh Long	Phòng 005
Phòng 006 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
37	HCM.26.1.CM0578	Kiều Thị Thanh Dung	04/10/1986	An Giang	Phòng 006
38	HCM.26.1.CM0579	Lê Mỹ Dung	18/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
39	HCM.26.1.CM0597	Lò Thị Dung	10/10/2001	Đắk Lắk	Phòng 006
40	HCM.26.1.CM0599	Nguyễn Hoàng Dung	16/06/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
41	HCM.26.1.CM0606	Phan Thuý Dung	21/12/1992	Hà Tĩnh	Phòng 006
42	HCM.26.1.CM0625	Nguyễn Ngọc Dũng	25/06/1990	Đồng Nai	Phòng 006
43	HCM.26.1.CM0631	Phạm Thị Dũng	01/01/1986	TP. Đà Nẵng	Phòng 006
44	HCM.26.1.CM0640	Lâm Thành Dũng	09/03/1989	Quảng Ngãi	Phòng 006
45	HCM.26.1.CM0651	Trần Huỳnh Khánh Duy	01/03/1984	Vĩnh Long	Phòng 006
46	HCM.26.1.CM0652	Đỗ Văn Duy	06/07/1981	Ninh Bình	Phòng 006
47	HCM.26.1.CM0659	Trần Hồng Duy	01/03/1996	TP. Đà Nẵng	Phòng 006
48	HCM.26.1.CM0662	Vô Phương Duy	08/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
49	HCM.26.1.CM0664	Bùi Thành Duy	27/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
50	HCM.26.1.CM0677	Phạm Văn Duy	19/07/1988	Đồng Nai	Phòng 006
51	HCM.26.1.CM0688	Vương Lâm Duy	16/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
52	HCM.26.1.CM0694	Nguyễn Văn Duy	02/09/2000	Đắk Lắk	Phòng 006
53	HCM.26.1.CM0708	Nguyễn Kim Duyên	12/07/2002	An Giang	Phòng 006
54	HCM.26.1.CM0724	Bùi Ngọc Dục	01/08/1981	Hung Yên	Phòng 006
55	HCM.26.1.CM0728	Nguyễn Minh Dương	23/12/1993	Gia Lai	Phòng 006
56	HCM.26.1.CM0739	Nguyễn Quốc Bình Dương	07/02/2007	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
57	HCM.26.1.CM0790	Trần Thị Tuyết Đang	23/07/2004	TP. Cần Thơ	Phòng 006
58	HCM.26.1.CM0793	Trần Văn Đành	06/06/1970	Tây Ninh	Phòng 006
59	HCM.26.1.CM0814	Hoàng Văn Đạt	20/06/1992	Thanh Hóa	Phòng 006
60	HCM.26.1.CM0854	Nguyễn Văn Đạt	29/11/2003	Cà Mau	Phòng 006
61	HCM.26.1.CM0860	Đỗ Thị Đăm	13/02/1987	Ninh Bình	Phòng 006
62	HCM.26.1.CM0863	Lê Hữu Đăng	02/02/1987	Hà Tĩnh	Phòng 006
63	HCM.26.1.CM0877	Hà Văn Điện	27/10/1997	Gia Lai	Phòng 006
64	HCM.26.1.CM0894	Trần Thị Tâm Đoan	30/09/2003	Vĩnh Long	Phòng 006
65	HCM.26.1.CM0924	Lâm Văn Đức	21/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
66	HCM.26.1.CM0951	Đồng Thị Đức	15/01/1980	Bắc Ninh	Phòng 006
67	HCM.26.1.CM0958	Nguyễn Minh Đức	02/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 006
68	HCM.26.1.CM0969	Nguyễn Thị Loan Em	11/02/1986	An Giang	Phòng 006
69	HCM.26.1.CM0988	Đinh Kiều Hương Giang	20/06/2002	Quảng Ngãi	Phòng 006
70	HCM.26.1.CM1017	Nguyễn Duy Giảng	17/03/1981	Phú Thọ	Phòng 006
71	HCM.26.1.CM1018	Bùi Ngọc Quỳnh Giao	20/01/2003	Đắk Lắk	Phòng 006
72	HCM.26.1.CM1024	Lê Văn Giáp	20/07/1990	Hà Tĩnh	Phòng 006
Phòng 007 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
73	HCM.26.1.CM1033	Trần Thị Ngọc Giàu	26/06/2003	Lâm Đồng	Phòng 007
74	HCM.26.1.CM1089	Trần Thanh Hải	06/11/1987	Quảng Trị	Phòng 007
75	HCM.26.1.CM1094	Nguyễn Thanh Hải	02/05/1996	Quảng Trị	Phòng 007
76	HCM.26.1.CM1095	Nguyễn Văn Hải	29/07/1990	Ninh Bình	Phòng 007
77	HCM.26.1.CM1102	Huỳnh Minh Hải	22/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
78	HCM.26.1.CM1106	Mai Hoàng Lê Thanh Hải	03/06/1990	Đồng Nai	Phòng 007
79	HCM.26.1.CM1107	Nguyễn Hoàng Hải	03/04/1981	TP. Hà Nội	Phòng 007

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
80	HCM.26.1.CM1121	Trương Quang Hải	23/04/1992	Gia Lai	Phòng 007
81	HCM.26.1.CM1142	Nguyễn Thùy Ngọc Hạnh	01/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
82	HCM.26.1.CM1143	Võ Mỹ Hạnh	03/06/1986	An Giang	Phòng 007
83	HCM.26.1.CM1157	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
84	HCM.26.1.CM1166	Phan Anh Hào	28/08/2003	Đồng Tháp	Phòng 007
85	HCM.26.1.CM1168	Trần Tuấn Hào	20/03/2007	Lâm Đồng	Phòng 007
86	HCM.26.1.CM1189	Phạm Thị Thu Hằng	12/12/1979	TP. Hải Phòng	Phòng 007
87	HCM.26.1.CM1203	Trần Thị Thuý Hằng	03/03/1980	Vĩnh Long	Phòng 007
88	HCM.26.1.CM1204	Bùi Thị Thu Hằng	16/09/1990	Đồng Nai	Phòng 007
89	HCM.26.1.CM1205	Chu Thuý Hằng	04/02/1999	Khánh Hòa	Phòng 007
90	HCM.26.1.CM1209	Lê Nguyễn Ngọc Hằng	20/08/1991	Cà Mau	Phòng 007
91	HCM.26.1.CM1217	Phạm Thị Hằng	01/02/1975	Đồng Nai	Phòng 007
92	HCM.26.1.CM1221	Võ Thị Thu Hằng	15/05/1990	TP. Đà Nẵng	Phòng 007
93	HCM.26.1.CM1232	Lê Đặng Ngọc Hân	04/05/2004	An Giang	Phòng 007
94	HCM.26.1.CM1241	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	16/12/1976	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
95	HCM.26.1.CM1242	Nguyễn Ngọc Hân	23/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
96	HCM.26.1.CM1243	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/09/1997	Vĩnh Long	Phòng 007
97	HCM.26.1.CM1276	Trương Vĩ Hiên	06/11/1982	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
98	HCM.26.1.CM1300	Lê Thị Thu Hiền	18/04/1977	Thanh Hóa	Phòng 007
99	HCM.26.1.CM1312	Trần Hoàng Hải Hiền	27/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 007
100	HCM.26.1.CM1320	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/02/1985	Đồng Tháp	Phòng 007
101	HCM.26.1.CM1324	Phạm Thị Hiền	10/12/1995	Tỉnh Ninh Bình	Phòng 007
102	HCM.26.1.CM1333	Võ Thị Hiền	21/09/1983	Hà Tĩnh	Phòng 007
103	HCM.26.1.CM1335	Bùi Thị Mộng Hiền	20/10/1988	Vĩnh Long	Phòng 007
104	HCM.26.1.CM1364	Phạm Trung Hiếu	27/02/2001	Đắk Lắk	Phòng 007
105	HCM.26.1.CM1370	Đào Minh Hiếu	17/02/1989	Đồng Nai	Phòng 007
106	HCM.26.1.CM1424	Phan Thị Hồng Hoa	16/09/1991	Gia Lai	Phòng 007
107	HCM.26.1.CM1430	Nguyễn Văn Hoa	22/02/1984	TP. Đà Nẵng	Phòng 007
108	HCM.26.1.CM1441	Cao Thị Hoa	14/06/1989	Bắc Ninh	Phòng 007
Phòng 008 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
109	HCM.26.1.CM1481	Lê Nguyễn Gia Hoan	06/04/2005	TP. Đà Nẵng	Phòng 008
110	HCM.26.1.CM1493	Trần Trương Huy Hoàng	10/10/1998	Khánh Hòa	Phòng 008
111	HCM.26.1.CM1496	Nguyễn Huy Hoàng	07/11/1990	Lâm Đồng	Phòng 008
112	HCM.26.1.CM1503	Đồng Thị Đỗ Hoàng	23/08/1990	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
113	HCM.26.1.CM1507	Lê Minh Hoàng	29/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
114	HCM.26.1.CM1522	Trần Minh Hoàng	29/11/1985	Đắk Lắk	Phòng 008
115	HCM.26.1.CM1541	Nguyễn Lâm Hồ	10/10/2000	An Giang	Phòng 008
116	HCM.26.1.CM1590	Đỗ Thị Huệ	09/09/1985	Thanh Hóa	Phòng 008
117	HCM.26.1.CM1595	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	28/04/2003	Vĩnh Long	Phòng 008
118	HCM.26.1.CM1616	Nguyễn Công Hùng	25/07/1975	Tỉnh Bắc Ninh	Phòng 008
119	HCM.26.1.CM1629	Nguyễn Hữu Hùng	23/07/1988	Bắc Ninh	Phòng 008
120	HCM.26.1.CM1630	Nguyễn Phi Hùng	07/07/1994	Đắk Lắk	Phòng 008
121	HCM.26.1.CM1633	Nguyễn Gia Huy	27/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
122	HCM.26.1.CM1648	Đoàn Quang Huy	30/06/1995	TP. Đà Nẵng	Phòng 008
123	HCM.26.1.CM1669	Trần Gia Huy	01/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
124	HCM.26.1.CM1697	Phạm Thị Phương Huyền	02/04/1989	Đồng Nai	Phòng 008

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
125	HCM.26.1.CM1716	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
126	HCM.26.1.CM1719	Phạm Thị Thanh Huyền	09/08/2002	Hưng Yên	Phòng 008
127	HCM.26.1.CM1725	Hồ Ngọc Huyền	10/01/1996	Vĩnh Long	Phòng 008
128	HCM.26.1.CM1754	Phạm Nam Hưng	03/02/1995	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
129	HCM.26.1.CM1758	Vũ Văn Hưng	02/09/1992	Thanh Hóa	Phòng 008
130	HCM.26.1.CM1771	Thái Thị Kim Hương	19/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
131	HCM.26.1.CM1774	Trần Thị Thu Hương	09/09/1995	Đồng Tháp	Phòng 008
132	HCM.26.1.CM1791	Nguyễn Thị Mỹ Hương	27/08/1988	Đồng Tháp	Phòng 008
133	HCM.26.1.CM1804	Hoàng Thiên Hương	21/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
134	HCM.26.1.CM1846	Nguyễn Khải	01/01/1997	Quảng Ngãi	Phòng 008
135	HCM.26.1.CM1874	Lê Thị Phương Khanh	17/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
136	HCM.26.1.CM1912	Phạm Sơn Khiêm	04/06/2002	TP. Cần Thơ	Phòng 008
137	HCM.26.1.CM1916	Lê Trọng Khiêm	24/09/1992	Khánh Hòa	Phòng 008
138	HCM.26.1.CM1926	Châu Minh Khoa	07/04/1988	Vĩnh Long	Phòng 008
139	HCM.26.1.CM1951	Trần Văn Khôi	17/05/2005	Hưng Yên	Phòng 008
140	HCM.26.1.CM1969	Nguyễn Duy Khương	13/08/1984	TP. Cần Thơ	Phòng 008
141	HCM.26.1.CM1980	Lê Trung Kiên	01/10/1980	Hưng Yên	Phòng 008
142	HCM.26.1.CM1988	Lê Lâm Hoàng Anh Kiệt	30/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
143	HCM.26.1.CM1990	Mã Tuấn Kiệt	21/12/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
144	HCM.26.1.CM1995	Đỗ Tuấn Kiệt	18/01/1979	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 008
Phòng 009 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
145	HCM.26.1.CM2008	Trịnh Thúy Kiều	28/01/1993	Sơn La	Phòng 009
146	HCM.26.1.CM2050	Lê Thị Lan	07/09/1989	Thanh Hóa	Phòng 009
147	HCM.26.1.CM2052	Nguyễn Thị Hương Lan	14/12/2006	Lào Cai	Phòng 009
148	HCM.26.1.CM2053	Trần Thị Phương Lan	10/10/1984	Đồng Nai	Phòng 009
149	HCM.26.1.CM2055	Hồ Thị Thanh Lan	10/06/1989	Quảng Trị	Phòng 009
150	HCM.26.1.CM2056	Huỳnh Diễm Lan	04/10/2004	Khánh Hòa	Phòng 009
151	HCM.26.1.CM2058	Lê Nguyễn Thị Kim Lan	24/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 009
152	HCM.26.1.CM2062	Nguyễn Thị Diễm Lan	10/06/1988	TP. Hà Nội	Phòng 009
153	HCM.26.1.CM2072	Nguyễn Thị Lan	03/11/1985	Hưng Yên	Phòng 009
154	HCM.26.1.CM2111	Nguyễn Thị Lê	16/06/1990	TP. Hà Nội	Phòng 009
155	HCM.26.1.CM2125	Trần Đặng Mỹ Lệ	05/02/2003	Quảng Ngãi	Phòng 009
156	HCM.26.1.CM2138	Hàng Ngọc Liên	25/08/1985	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 009
157	HCM.26.1.CM2140	Lê Thùy Liên	11/07/1983	Đồng Nai	Phòng 009
158	HCM.26.1.CM2142	Nguyễn Thị Liên	02/05/1985	Hà Tĩnh	Phòng 009
159	HCM.26.1.CM2160	Lâm Thị Mỹ Linh	17/07/1984	Đắk Lắk	Phòng 009
160	HCM.26.1.CM2162	Nguyễn Văn Linh	03/10/1992	Đắk Lắk	Phòng 009
161	HCM.26.1.CM2168	Nguyễn Thị Ngọc Linh	28/02/1984	Khánh Hòa	Phòng 009
162	HCM.26.1.CM2186	Đỗ Thủy Linh	11/01/1990	TP. Hà Nội	Phòng 009
163	HCM.26.1.CM2203	Ngô Vũ Linh	03/08/1993	Cà Mau	Phòng 009
164	HCM.26.1.CM2224	Trần Thị Nhật Linh	09/07/2004	Đồng Nai	Phòng 009
165	HCM.26.1.CM2233	Hoàng Diệu Linh	10/03/1996	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 009
166	HCM.26.1.CM2236	Lê Nhã Linh	15/02/2005	An Giang	Phòng 009
167	HCM.26.1.CM2241	Ngô Khánh Linh	16/03/1994	An Giang	Phòng 009
168	HCM.26.1.CM2252	Trần Nhật Linh	14/08/1988	QUẢNG TRỊ	Phòng 009
169	HCM.26.1.CM2255	Trần Thị Mỹ Linh	01/01/1988	Vĩnh Long	Phòng 009

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
170	HCM.26.1.CM2293	Trần Hoàng Long	09/02/1978	Vĩnh Long	Phòng 009
171	HCM.26.1.CM2295	Hoàng Đức Long	11/01/2001	TP. Hà Nội	Phòng 009
172	HCM.26.1.CM2296	Nguyễn Thiên Long	06/08/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 009
173	HCM.26.1.CM2309	Lê Long	21/02/1999	Lâm Đồng	Phòng 009
174	HCM.26.1.CM2327	Lê Tấn Long	07/06/2000	TP. Hà Nội	Phòng 009
175	HCM.26.1.CM2334	Phạm Văn Long	30/09/1978	Ninh Bình	Phòng 009
176	HCM.26.1.CM2338	Nguyễn Hữu Lộc	26/02/1991	Đồng Tháp	Phòng 009
177	HCM.26.1.CM2341	Chế A Lộc	08/06/1981	Đồng Nai	Phòng 009
178	HCM.26.1.CM2360	Nguyễn Văn Lộ	25/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 009
179	HCM.26.1.CM2414	Hoàng Trần Lương	18/11/2000	Thanh Hóa	Phòng 009
180	HCM.26.1.CM2425	Dương Thị Hồng Ly	15/10/1997	TP. Đà Nẵng	Phòng 009
Phòng 010 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
181	HCM.26.1.CM2437	Nguyễn Ngọc Trúc Ly	18/09/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
182	HCM.26.1.CM2457	Phạm Vũ Thiên Lý	20/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
183	HCM.26.1.CM2458	Trần Công Lý	14/01/1992	ĐỒNG THÁP	Phòng 010
184	HCM.26.1.CM2475	Đinh Thị Bé Mai	28/09/2002	Đồng Nai	Phòng 010
185	HCM.26.1.CM2477	Hồ Ngọc Sương Mai	24/09/2005	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
186	HCM.26.1.CM2549	Nguyễn Quốc Minh	18/04/1982	An Giang	Phòng 010
187	HCM.26.1.CM2551	Nguyễn Trần Thảo Minh	03/02/2004	Đồng Tháp	Phòng 010
188	HCM.26.1.CM2553	Phạm Ngọc Minh	17/08/1986	Đồng Tháp	Phòng 010
189	HCM.26.1.CM2589	Phạm Thị Trà My	09/11/1977	Đồng Tháp	Phòng 010
190	HCM.26.1.CM2591	Trần Ngọc Thảo My	21/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
191	HCM.26.1.CM2593	Trần Thị Thảo My	10/04/1996	Gia Lai	Phòng 010
192	HCM.26.1.CM2609	Ngô Hoàng Ái Mỹ	30/12/1996	Lâm Đồng	Phòng 010
193	HCM.26.1.CM2610	Nguyễn Thị Khánh Mỹ	29/04/1994	Quảng Trị	Phòng 010
194	HCM.26.1.CM2652	Nguyễn Tấn Nam	10/01/1968	Quảng Ngãi	Phòng 010
195	HCM.26.1.CM2692	Phạm Thị Hồng Nga	04/07/1998	Gia Lai	Phòng 010
196	HCM.26.1.CM2694	Phạm Thị Nga	02/03/1977	Thanh Hóa	Phòng 010
197	HCM.26.1.CM2722	Dương Văn Ngân	06/05/1989	Đồng Tháp	Phòng 010
198	HCM.26.1.CM2786	Hoàng Thị Nghĩa	24/02/1998	TP. Đà Nẵng	Phòng 010
199	HCM.26.1.CM2803	Đỗ Văn Nghiêm	05/04/1989	Ninh Bình	Phòng 010
200	HCM.26.1.CM2831	Ngô Thi Bích Ngọc	07/08/1977	TP. Hải Phòng	Phòng 010
201	HCM.26.1.CM2856	Nguyễn Lê Phương Ngọc	28/02/2003	Quảng Ngãi	Phòng 010
202	HCM.26.1.CM2873	Trần Khôi Nguyên	31/03/1981	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
203	HCM.26.1.CM2882	Bùi Kim Nguyên	23/10/1991	An Giang	Phòng 010
204	HCM.26.1.CM2895	Cao Khánh Nguyên	10/04/2000	Vĩnh Long	Phòng 010
205	HCM.26.1.CM2923	Nguyễn Quang Nha	04/12/2001	Gia Lai	Phòng 010
206	HCM.26.1.CM2934	Nguyễn Thị Nhã	15/05/1991	Quảng Trị	Phòng 010
207	HCM.26.1.CM2936	Trần Lê Thanh Nhã	05/06/1991	Vĩnh Long	Phòng 010
208	HCM.26.1.CM2974	Võ Thành Trương Minh Nhân	15/07/1975	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
209	HCM.26.1.CM2977	Hoàng Cao Nhân	22/10/1979	TP. Hải Phòng	Phòng 010
210	HCM.26.1.CM3006	Trần Hồng Nhật	18/03/1992	Quảng Trị	Phòng 010
211	HCM.26.1.CM3009	Hồ Viễn Nhi	12/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
212	HCM.26.1.CM3012	Nguyễn Thị Hoài Nhi	25/12/1989	Đắk Lắk	Phòng 010
213	HCM.26.1.CM3098	Võ Thị Tuyết Nhung	02/06/1988	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 010
214	HCM.26.1.CM3129	Trần Thị Quỳnh Như	04/01/2004	Đồng Nai	Phòng 010

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
215	HCM.26.1.CM3130	Nghiêm Thị Anh Như	17/11/2006	Thanh Hóa	Phòng 010
216	HCM.26.1.CM3139	Đoàn Thị Ni Ni	25/08/1994	TP. Huế	Phòng 010
Phòng 011 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
217	HCM.26.1.CM3153	Bùi Văn Nuôi	13/05/1988	Hà Tĩnh	Phòng 011
218	HCM.26.1.CM3157	Dương Thị Thúy Nương	06/10/1994	Quảng Ngãi	Phòng 011
219	HCM.26.1.CM3161	Trần Thị Kỳ Ny	13/04/1972	Quảng Ngãi	Phòng 011
220	HCM.26.1.CM3162	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	26/11/1992	Đồng Nai	Phòng 011
221	HCM.26.1.CM3166	Nguyễn Thị Hồng Oanh	06/08/1992	Khánh Hòa	Phòng 011
222	HCM.26.1.CM3173	Hoàng Thị Ngọc Oanh	12/10/1979	TP. Hải Phòng	Phòng 011
223	HCM.26.1.CM3188	Trần Thị Kim Oanh	12/09/1987	Đồng Nai	Phòng 011
224	HCM.26.1.CM3209	Lê Toàn Phát	15/05/1991	Đồng Nai	Phòng 011
225	HCM.26.1.CM3219	Trương Tấn Phát	15/01/1983	Đồng Tháp	Phòng 011
226	HCM.26.1.CM3230	Nguyễn Mai Yến Phi	13/11/1988	Đồng Nai	Phòng 011
227	HCM.26.1.CM3250	Nguyễn Thanh Phong	13/01/1998	TP. Hải Phòng	Phòng 011
228	HCM.26.1.CM3251	Phạm Đăng Phong	29/07/1992	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
229	HCM.26.1.CM3328	Vũ Thị Kim Phúc	10/08/1989	Ninh Bình	Phòng 011
230	HCM.26.1.CM3339	Phan Đình Phi Phụng	08/08/1986	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
231	HCM.26.1.CM3346	Lâm Nguyễn Anh Phước	14/12/1997	Đắk Lắk	Phòng 011
232	HCM.26.1.CM3375	Đặng Thị Yến Phương	07/07/2004	An Giang	Phòng 011
233	HCM.26.1.CM3410	Dương Thị Hà Phương	15/04/1998	TP. Đà Nẵng	Phòng 011
234	HCM.26.1.CM3441	Nguyễn Thị Phương	09/11/1990	Gia Lai	Phòng 011
235	HCM.26.1.CM3449	Bùi Thị Thu Phương	13/03/1994	Đồng Nai	Phòng 011
236	HCM.26.1.CM3511	Trương Kim Quân	14/09/1968	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
237	HCM.26.1.CM3524	Vũ Văn Quân	15/08/1998	Ninh Bình	Phòng 011
238	HCM.26.1.CM3557	Nguyễn Văn Quốc	13/03/1983	TP. Huế	Phòng 011
239	HCM.26.1.CM3576	Nguyễn Văn Quý	26/11/2002	Thái Nguyên	Phòng 011
240	HCM.26.1.CM3607	Phạm Công Quyết	06/07/1991	TP. Hải Phòng	Phòng 011
241	HCM.26.1.CM3609	Nguyễn Hai Quỳnh	10/01/1994	Hà Tĩnh	Phòng 011
242	HCM.26.1.CM3622	Nguyễn Trúc Quỳnh	21/04/1992	Đồng Nai	Phòng 011
243	HCM.26.1.CM3623	Nguyễn Xuân Quỳnh	14/03/1996	Quảng Ngãi	Phòng 011
244	HCM.26.1.CM3635	Tạ Nguyễn Mai Quỳnh	19/02/1990	Lâm Đồng	Phòng 011
245	HCM.26.1.CM3646	Nguyễn Ngọc Thanh Sang	13/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
246	HCM.26.1.CM3648	Trần Hoàng Sang	27/08/1992	Đồng Tháp	Phòng 011
247	HCM.26.1.CM3653	Phạm Hùng Sang	21/06/1987	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
248	HCM.26.1.CM3669	Lê Trần Sáng	26/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 011
249	HCM.26.1.CM3682	Nguyễn Đình Sinh	17/08/2006	Nghệ An	Phòng 011
250	HCM.26.1.CM3697	Phan Tất Sơn	15/06/1985	Nghệ An	Phòng 011
251	HCM.26.1.CM3712	Nguyễn Trường Sơn	12/06/1990	Nghệ An	Phòng 011
252	HCM.26.1.CM3715	Trần Oai Sơn	21/11/1979	TP. Đà Nẵng	Phòng 011
Phòng 012 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
253	HCM.26.1.CM3718	Vũ Hoàng Sơn	25/11/1989	Lâm Đồng	Phòng 012
254	HCM.26.1.CM3754	Nguyễn Hữu Tài	21/12/1996	An Giang	Phòng 012
255	HCM.26.1.CM3759	Bùi Đăng Tấn Tài	22/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
256	HCM.26.1.CM3847	Phạm Minh Tâm	04/01/1998	Quảng Ngãi	Phòng 012
257	HCM.26.1.CM3895	Dương Văn Thạch	24/06/1994	TP. Huế	Phòng 012
258	HCM.26.1.CM3906	Trần Thành Thái	12/08/1998	An Giang	Phòng 012

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
259	HCM.26.1.CM3912	Nguyễn Thị Thái	25/09/1983	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
260	HCM.26.1.CM3931	Nguyễn Nhật Thanh	02/05/1993	An Giang	Phòng 012
261	HCM.26.1.CM3942	Nguyễn Anh Vũ Thanh	30/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
262	HCM.26.1.CM3945	Nguyễn Hà Thanh	09/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
263	HCM.26.1.CM3975	Nguyễn Thị Diệu Thanh	19/04/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
264	HCM.26.1.CM3996	Nguyễn Trung Thành	20/01/2004	Tây Ninh	Phòng 012
265	HCM.26.1.CM4009	Lê Thị Thành	08/01/1984	Lào Cai	Phòng 012
266	HCM.26.1.CM4011	Lương Gia Phước Thành	04/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
267	HCM.26.1.CM4021	Phạm Quốc Thành	13/03/1975	Hà Tĩnh	Phòng 012
268	HCM.26.1.CM4027	Trang Ngọc Công Thành	01/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
269	HCM.26.1.CM4046	Nguyễn Thị Thảo	25/04/1989	Bắc Ninh	Phòng 012
270	HCM.26.1.CM4050	Thái Thị Thảo	26/08/1998	Nghệ An	Phòng 012
271	HCM.26.1.CM4061	Phạm Phương Thảo	07/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
272	HCM.26.1.CM4068	Cao Thị Thảo	16/05/1994	Quảng Trị	Phòng 012
273	HCM.26.1.CM4103	Trần Thị Thu Thảo	19/10/1996	Khánh Hòa	Phòng 012
274	HCM.26.1.CM4151	Phan Thị Thắm	17/07/1993	Nghệ An	Phòng 012
275	HCM.26.1.CM4164	Nguyễn Tiến Thắng	10/10/1972	TP. Hà Nội	Phòng 012
276	HCM.26.1.CM4235	Huỳnh Tấn Thiện	14/02/1998	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
277	HCM.26.1.CM4264	Huỳnh Văn Thịnh	07/11/1980	Bắc Ninh	Phòng 012
278	HCM.26.1.CM4271	Đỗ Văn Thịnh	29/10/1983	Hung Yên	Phòng 012
279	HCM.26.1.CM4279	Đỗ Văn Thịnh	20/01/1995	Gia Lai	Phòng 012
280	HCM.26.1.CM4283	Nguyễn Văn Thịnh	25/12/1997	Quảng Trị	Phòng 012
281	HCM.26.1.CM4322	Nguyễn Văn Thông	10/05/1990	Hà Tĩnh	Phòng 012
282	HCM.26.1.CM4391	Nguyễn Hoàng Thủy	16/05/1987	Lâm Đồng	Phòng 012
283	HCM.26.1.CM4404	Trần Trung Thủy	20/01/1990	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
284	HCM.26.1.CM4422	Đào Thị Thanh Thủy	19/02/2000	Gia Lai	Phòng 012
285	HCM.26.1.CM4442	Hà Thị Bích Thủy	02/02/2002	Quảng Trị	Phòng 012
286	HCM.26.1.CM4456	Trần Thị Ngọc Thùy	29/06/1978	Nghệ An	Phòng 012
287	HCM.26.1.CM4498	Nguyễn Đình Anh Thư	25/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
288	HCM.26.1.CM4499	Nguyễn Ngọc Anh Thư	18/05/2007	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 012
Phòng 013 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
289	HCM.26.1.CM4500	Phạm Ngọc Thư	30/09/2004	Vĩnh Long	Phòng 013
290	HCM.26.1.CM4533	Ngô Quang Thức	10/08/1984	TP. Đà Nẵng	Phòng 013
291	HCM.26.1.CM4543	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/2000	Đồng Nai	Phòng 013
292	HCM.26.1.CM4551	Nguyễn Thị Hoài Thương	18/10/1996	Lâm Đồng	Phòng 013
293	HCM.26.1.CM4554	Nguyễn Thị Thương	30/12/1994	Gia Lai	Phòng 013
294	HCM.26.1.CM4565	Nguyễn Thương	25/12/1996	TP. Huế	Phòng 013
295	HCM.26.1.CM4601	Đoàn Thị Thủy Tiên	18/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 013
296	HCM.26.1.CM4603	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	27/08/1992	Tây Ninh	Phòng 013
297	HCM.26.1.CM4613	Lê Kim Tiên	16/11/2003	Đồng Tháp	Phòng 013
298	HCM.26.1.CM4622	Nguyễn Tấn Tiến	17/07/2005	Đồng Tháp	Phòng 013
299	HCM.26.1.CM4632	Lại Văn Tiến	18/08/1996	Quảng Ngãi	Phòng 013
300	HCM.26.1.CM4633	Lê Đình Tiến	05/02/1997	TP. Cần Thơ	Phòng 013
301	HCM.26.1.CM4652	Trần Minh Tiến	03/03/1992	Sơn La	Phòng 013
302	HCM.26.1.CM4682	Phan Văn Tinh	02/10/1985	Nghệ An	Phòng 013
303	HCM.26.1.CM4697	Trần Đình Toại	13/09/1994	Gia Lai	Phòng 013

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phòng thi
304	HCM.26.1.CM4698	Đặng Quốc Toàn	07/08/1994	Vĩnh Long	Phòng 013
305	HCM.26.1.CM4711	Phạm Hải Toàn	19/02/1997	TP. Cần Thơ	Phòng 013
306	HCM.26.1.CM4733	Vũ Huyền Tông	08/05/1984	Đắk Lắk	Phòng 013
307	HCM.26.1.CM4755	Nguyễn Thị Thu Trang	28/09/1984	Tây Ninh	Phòng 013
308	HCM.26.1.CM4759	Trần Thị Thùy Trang	11/09/1990	Đồng Tháp	Phòng 013
309	HCM.26.1.CM4771	Lê Thị Thu Trang	28/09/1997	Lâm Đồng	Phòng 013
310	HCM.26.1.CM4773	Lê Thị Trang	05/04/1999	Thanh Hóa	Phòng 013
311	HCM.26.1.CM4792	Phạm Ngọc Thủy Trang	01/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 013
312	HCM.26.1.CM4832	Trần Thu Trang	25/10/2000	Đắk Lắk	Phòng 013
313	HCM.26.1.CM4841	Nguyễn Thị Ngân Trâm	01/01/1997	An Giang	Phòng 013
314	HCM.26.1.CM4889	Nguyễn Thanh Tri	06/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 013
315	HCM.26.1.CM5000	Hồ Trần Xuân Trúc	16/09/1996	Khánh Hòa	Phòng 013
316	HCM.26.1.CM5022	Đặng Quốc Trung	08/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 013
317	HCM.26.1.CM5032	Phạm Quang Trung	25/10/1997	Lâm Đồng	Phòng 013
318	HCM.26.1.CM5102	Phan Thị Cẩm Tú	21/01/1997	TP. Đà Nẵng	Phòng 013
319	HCM.26.1.CM5103	Tiêu Đình Tú	14/09/1998	Lâm Đồng	Phòng 013
320	HCM.26.1.CM5112	Nguyễn Anh Tú	22/02/1995	Thanh Hóa	Phòng 013
321	HCM.26.1.CM5173	Trịnh Anh Tuấn	27/12/2000	Gia Lai	Phòng 013
322	HCM.26.1.CM5197	Võ Hoàng Tuấn	26/11/1994	Đồng Tháp	Phòng 013
323	HCM.26.1.CM5211	Ngô Quang Tùng	02/07/1988	TP. Huế	Phòng 013
324	HCM.26.1.CM5218	Lê Ngọc Tùng	24/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 013
Phòng 014 - Ca thi: 07 giờ 30 - 11 giờ 30					
325	HCM.26.1.CM5225	Phạm Đình Tùng	18/07/1994	TP. Hải Phòng	Phòng 014
326	HCM.26.1.CM5230	Trương Phương Tùng	30/08/1992	Tây Ninh	Phòng 014
327	HCM.26.1.CM5264	Nguyễn Thị Kim Tuyền	03/10/1997	Ninh Bình	Phòng 014
328	HCM.26.1.CM5275	Nguyễn Thị Tuyết	25/05/1993	Thanh Hóa	Phòng 014
329	HCM.26.1.CM5284	Nguyễn Văn Tư	15/08/1982	TP. Hà Nội	Phòng 014
330	HCM.26.1.CM5314	Châu Thị Thu Uyên	27/10/1988	Đồng Tháp	Phòng 014
331	HCM.26.1.CM5359	Hồ Thị Yến Vân	20/06/1992	Khánh Hòa	Phòng 014
332	HCM.26.1.CM5399	Trần Nguyễn Thúy Vi	23/09/1999	Đồng Tháp	Phòng 014
333	HCM.26.1.CM5400	Lưu Thị Tường Vi	07/12/1992	Gia Lai	Phòng 014
334	HCM.26.1.CM5427	Bùi Thế Lâm Viên	20/06/1995	Quảng Ngãi	Phòng 014
335	HCM.26.1.CM5434	Trần Hoàng Việt	12/04/2002	Vĩnh Long	Phòng 014
336	HCM.26.1.CM5460	Bùi Quang Vinh	16/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 014
337	HCM.26.1.CM5511	Nguyễn Hoàng Vũ	25/10/1992	Vĩnh Long	Phòng 014
338	HCM.26.1.CM5534	Đặng Minh Vương	12/03/1984	Gia Lai	Phòng 014
339	HCM.26.1.CM5549	Hồ Khánh Vy	11/03/1998	Thanh Hóa	Phòng 014
340	HCM.26.1.CM5565	Đỗ Tường Vy	30/08/1995	Đồng Nai	Phòng 014
341	HCM.26.1.CM5573	Phạm Thảo Vy	11/06/2004	Đồng Nai	Phòng 014
342	HCM.26.1.CM5579	Trần Xái	12/11/1980	An Giang	Phòng 014
343	HCM.26.1.CM5621	Trần Thị Minh Ý	03/05/2000	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 014
344	HCM.26.1.CM5633	Nguyễn Hải Yến	24/06/1987	Khánh Hòa	Phòng 014
345	HCM.26.1.CM5643	Ngô Hồng Hải Yến	11/11/1997	TP. Hồ Chí Minh	Phòng 014
346	HCM.26.1.CM5647	Trần Thị Hải Yến	30/01/1986	TP. Hải Phòng	Phòng 014